

Quan họ,

MỘT HIỆN TƯỢNG XÃ HỘI TỔNG THỂ

GS. TS. NGÔ ĐỨC THỊNH*

1 - M. Mauss trong công trình nổi tiếng *Lý thuyết quà tặng*, đã xuất phát từ hiện tượng quà biếu của xã hội người Đa đảo cổ truyền để đi đến một lý thuyết quan trọng mang tính phương pháp luận, đó là *hiện tượng xã hội tổng thể*. Lý thuyết đó có thể tóm gọn lại là: Khi nghiên cứu một hiện tượng văn hóa, xã hội của bất cứ cộng đồng dân cư nào, thì chúng ta không chỉ làm rõ hiện tượng đó là gì, tức hình thái học của nó (morphology), mà còn phải trả lời câu hỏi là hiện tượng văn hóa, xã hội ấy nảy sinh trong hoàn cảnh kinh tế - xã hội nào và nó đáp ứng nhu cầu gì của cái xã hội đã sản sinh ra nó.

Đó là cách đặt vấn đề mang đầy đủ tính chất chức năng luận, vốn là đặc trưng cơ bản của trường phái "nhân học xã hội" của Pháp thế kỷ XIX - XX. Đây chính là cơ sở phương pháp luận để chúng ta nhìn nhận Quan họ như là một *hiện tượng xã hội tổng thể*. Bởi thế bài viết của tôi sẽ không đi vào nhận diện Quan họ là gì? Đặc biệt là nội dung nghệ thuật trình diễn của nó, mà hướng vào khía cạnh xã hội của dân ca Quan họ như đã phân tích ở trên.

2 - Bản thân Quan họ không thể tạo nên lễ hội, nhưng với người Kinh Bắc thì không thể thiếu Quan họ trong lễ hội. Nói cách khác, Quan họ đã trở thành một bộ phận hợp thành của lễ hội, dù đó là hát Quan họ ở đình, đền, chùa - nơi tổ chức lễ hội, hay hát canh ở các gia đình - khi tiếp

khách vào dịp lễ hội. Tất nhiên, sau này, hát Quan họ đã tràn ra ngoài đời sống nghi lễ, phong tục, đi vào đời sống thường nhật với các hình thức hát đón khách, tiếp bạn, hát trên sân khấu, hát qua phát thanh, truyền hình, hát trong các sinh hoạt quần chúng...

Cho dù, không ít loại hình dân ca của người Việt, như Ca trù, hát Văn, Trống quân, hát Dặm, hát Xoan, hát Đúm, hát Chèo tàu... đều có gốc gác từ hát thờ, hát nghi lễ, nhưng với các cứ liệu biết được hiện nay, thì có thể Quan họ vốn khởi nguồn là một hình thức hát nghi lễ, nhưng về sau tính nghi lễ phai nhạt dần và nay nó mang tính phong tục nhiều hơn, cho dù giữa nghi lễ và phong tục vốn không có ranh giới rõ ràng.

Hát nghi lễ là hình thức hát thờ, hát kể sự tích thần linh, xưng tụng thần linh, hát cầu thần linh, do vậy, nó thường diễn ra trong môi trường và không gian nghi lễ ở đình, đền, chùa và là một hình thức diễn xướng bắt buộc trong quy trình của nghi lễ ấy. Còn hát Quan họ, mặc dù là thứ diễn xướng không thể thiếu trong lễ hội, nhưng nó không còn là một bộ phận, một bước của quá trình nghi lễ, nó diễn ra bên ngoài không gian thờ cúng, nó như là bộ phận của sinh hoạt hội trong tổng thể lễ hội, nó mang tính trần tục nhiều hơn là linh thiêng. Do vậy, có lẽ nên xếp Quan họ vào loại hình dân ca phong tục thì hợp lý hơn.

3 - Về mặt loại hình, hát Quan họ thuộc loại hát giao duyên nam nữ, một hình thức dân ca phổ biến khắp thế giới và đặc biệt còn lưu giữ khá



Quan họ cổ Kinh Bắc - Ảnh: MA

lâu bền ở các cư dân nông nghiệp. Ai đó nói rằng lễ hội người Việt đã từng chuyển từ mùa thu sang mùa xuân, điều đó chưa thực chính xác. Từ khởi nguồn hay chí ít cũng từ thời Hùng Vương, với chu kỳ canh tác nông nghiệp một vụ trong một năm, mà ngày nay nhiều dân tộc ở miền núi Việt Nam hay ở Lào, Campuchia còn duy trì, thì mùa lễ hội kéo dài suốt từ cuối vụ thu hoạch năm trước sang vụ gieo trồng năm sau, mà người Tây Nguyên gọi đó là *tháng ning nơng*, tháng "chết". Theo quan niệm cổ, đây là khoảng kết nối giữa hai chu kỳ, thời điểm dừng lại của một vòng quay thời gian. Nhưng với người Việt ở đồng bằng Bắc bộ, do động năng dân số cao, sức ép lương thực ngày càng lớn, khiến người nông dân phải tìm cách thâm canh, tăng vụ đông xuân, khiến cho chu kỳ canh tác một năm bị phá vỡ, thời gian giữa cuối đông và đầu xuân bị chia đôi và, hệ quả là, các lễ hội nông nghiệp chuyển dần vào đầu xuân.

Ở tầng vô thức, hình thức hát giao duyên thường diễn ra ở các lễ hội mùa xuân, mà hình thức hát Quan họ của Kinh Bắc là điển hình, chính là một hình thức thăng hoa của nghi lễ phồn thực. Điều này có thể được cắt nghĩa từ hai khía cạnh:

Thứ nhất, xét về cội nguồn và bản chất lễ hội của người Việt cũng như của các dân tộc khác là *lễ hội nông nghiệp*, nó đánh dấu các mốc của chu trình canh tác nông nghiệp, trong đó, các lễ hội mùa xuân là để mở đầu vụ gieo trồng và lễ hội mùa thu là kết thúc vụ thu hoạch; lễ hội mùa xuân là dịp con người cầu xin mưa thuận gió hòa, lễ hội mùa thu là đáp tạ trời đất, thần linh cho mùa màng phong đăng. Hơn nữa, mùa xuân là mùa dương thịnh, mùa phát dục của muôn loài, mùa sinh sôi nảy nở, do vậy, các nghi lễ phong tục trong dịp này đều mang tính phồn thực.

Thứ hai, trong quan niệm vũ trụ luận nguyên sơ phương Đông, sự kết hợp, hài hòa âm - dương là nguồn cội để tạo ra muôn loài, tạo ra con người, sức khỏe, tạo ra thuận hòa, may mắn. Do vậy, để cầu xin sự thuận hòa của vũ trụ, thiên nhiên, con người, với tính chất là "tiểu vũ trụ" theo kiểu *có âm dương có vợ chồng, dù là vũ trụ cũng vòng phu thê*, cũng thông qua các hành động mô phỏng sự giao cảm đó trong các dịp nghi lễ, lễ hội. Đó là nguồn gốc của nghi lễ mang tính phồn thực, mà ngày nay các dạng nguyên sơ của nó vẫn còn tồn tại như múa nõ nương, múa mo, múa âm vật và dương vật ở hội Trám, múa Linga trong lễ hội Richà của người Chăm... Còn các dạng

biển tướng, thăng hoa của nó thì nhiều vô kể, trong đó có hát giao duyên trai gái, mà hát Quan họ là một dạng điển hình.

Lễ rước giữa hai làng Đổng Cao và làng Nhồi ở Bắc Ninh hết sức thú vị. Dân làng Nhồi kể rằng: Thuở xưa ông Đổng ở làng Đổng Cao và bà Đổng ở làng Nhồi vốn là đôi bạn hát, nhưng họ không lấy được nhau, cuối cùng họ rủ nhau ra cánh đồng giữa hai làng tự vẫn, nay vẫn còn ngôi mộ ông Đổng, bà Đổng ở đó. Sau này, hàng năm hai làng cùng mở hội rước ra mộ Đổng và kết thúc bằng tục trai gái hai làng diễn trò *chọc rốn*. Bên nam cầm gậy sơn đỏ chọc vào rốn bên nữ. Đây có lẽ là sự tái hiện tục hát Quan họ gắn với nghi lễ mang tính phồn thực khá nguyên sơ.

Do vậy, từ cội nguồn, hát Quan họ trong lễ hội mùa xuân ở Kinh Bắc được coi như là một dạng thức của nghi lễ mang tính phồn thực của tín ngưỡng nông nghiệp.

4 - Quan họ Kinh Bắc không chỉ phản ánh tâm thức và nghi lễ của cư dân nông nghiệp, mà còn gắn kết với cơ cấu tổ chức làng truyền thống. Ai cũng rõ hát Quan họ trong hội làng ở Kinh Bắc là một bản sắc riêng mà không nơi nào có được. Tuy nhiên, ở đây, Quan họ còn thực hiện một chức năng không chỉ tạo nên sự cố kết nội bộ làng, mà còn *tạo nên liên kết liên làng* thông qua *tục kết chạ*.

Thực ra, có một vấn đề văn hóa - xã hội cổ truyền hết sức thú vị là tục kết chạ và đối lập với nó là tục tuyệt giao giữa hai làng. Tục kết chạ thì đã có nhiều người nghiên cứu. Mô hình này chúng ta có thể tìm hiểu qua cặp tuyệt giao giữa Đa Hòa và Dạ Trạch ở Hưng Yên hay giữa Đổng Kỵ và Trang Liệt ở Bắc Ninh. Không hiểu giữa hai mô thức, một bên là "kết" và một bên là "ly" kia có mối quan hệ gì với nhau không? Tuy nhiên, rõ ràng là tục kết chạ đã gắn kết khá chặt chẽ với hát Quan họ.

Tục hát giữa liên anh, liên chị của các làng kết chạ và kết bạn đã tạo nên tính ganh đua sôi nổi của canh hát Quan họ. Rõ ràng là hát Quan họ giữa các làng kết chạ là một trong mối dây gắn kết giữa hai làng, ngoài ra, giữa các làng đó còn có các mối liên hệ khác về nguồn gốc, tín ngưỡng, về lợi ích kinh tế, liên kết xã hội, bảo vệ an ninh... Trong vùng Quan họ gồm 49 làng, các nhà nghiên cứu đã liệt kê được 24 cặp kết chạ. Tất nhiên, có nhiều làng không hát Quan họ nhưng vẫn kết chạ, chúng tỏ kết chạ và hát Quan

họ kết chạ có sự khác biệt.

Đối với các cặp làng kết chạ có hát Quan họ, thì tính chất hát Quan họ được nâng lên thành một lối chơi phong tục, gắn với nghi lễ linh thiêng. Các cặp hát Quan họ của hai làng không chỉ thể hiện tình cảm cá nhân giữa đôi bạn hát, mà còn mang cả trách nhiệm và mối liên kết giữa hai làng. Tương truyền, trai gái các làng kết chạ hát Quan họ với nhau, nhưng lại không được kết hôn với nhau. Vậy ở đây có vấn đề còn bỏ ngỏ là tục kết chạ có mối quan hệ gì với quan hệ hôn nhân giữa các cộng đồng thời nguyên thủy hay không?

Ngoài hát Quan họ giữa liên anh liên chị của các làng chạ, thì còn hát liên anh, liên chị giữa các làng là bạn hát, gọi là hát kết bạn. Trong trường hợp này ngoài việc là bạn hát, thì giữa hai làng hầu như không có mối quan hệ đặc biệt nào khác, giống như giữa hai làng kết chạ như nói ở trên.

Về hình thức làng kết chạ, giới nghiên cứu cần tìm hiểu sâu hơn về cội nguồn và bản chất của nó, tuy nhiên, Quan họ được coi như là phương thức góp phần tạo nên sự cố kết liên làng, trên cái nền cảnh xã hội đó, càng củng cố vững chắc hơn cho tục hát Quan họ. Trong quan niệm dân gian, nếu năm nào các làng kết chạ không tổ chức hát Quan họ đối đáp qua lại thì thường trong làng sẽ xảy ra nhiều điều không may, như ốm đau, dịch bệnh, mùa màng thất bát, trai gái sinh ra các thói hư, tật xấu.

Có lẽ chúng ta không tin một cách ngây thơ rằng do có quan hệ kết chạ mà từ đó nảy sinh hát Quan họ, tuy nhiên, cũng không thể phủ nhận rằng, kết chạ làm tăng thêm tính phong tục, nghi lễ của hát Quan họ, là môi trường bảo tồn và duy trì tính bền chắc của hình thức dân ca phong tục này. Ngược lại, do có tục hát Quan họ giữa các làng kết chạ, đã tăng cường hơn, củng cố hơn mối quan hệ khăng khít của các cặp làng kết chạ. Điều đó khiến cho hát Quan họ mang nội dung xã hội sâu sắc. Đấy chính là chức năng xã hội mà không phải hình thức dân ca nào của người Việt cũng có được như là Quan họ.

5 - Giới nghiên cứu Quan họ đã dành nhiều thời gian và sức lực cho việc tìm tòi nguồn gốc, thời gian xuất hiện, ý nghĩa của tên gọi Quan họ và có lẽ còn lâu nữa mới có thể giải đáp một cách thỏa đáng được các câu hỏi trên. Các nhà nghiên cứu đã nêu các giả thuyết về thời kỳ xuất hiện của Quan họ vào thời nhà Lý, nhà Trần hay nhà

Lê - Trịnh. Tuy nhiên, căn cứ vào tính hỗn dung các làn điệu dân ca khác nhau của đồng bằng Bắc Bộ trong Quan họ, như hát Đúm, Chèo, Tuồng, Châu văn, Ca trù, Xẩm, dân ca của một số dân tộc thiểu số láng giềng..., thậm chí có người còn nhận thấy có nét tương đồng âm điệu Chăm; đặc biệt là sự phong phú của các làn điệu (khoảng trên 60 làn điệu), chứng tỏ Quan họ vừa không thể quá cổ, nhưng cũng không thể quá mới so với các thể loại dân ca khác. Bởi vậy, tôi đoán rằng, Quan họ có bước khởi đầu từ thời Lê - Trịnh và phát triển trong khung cảnh xã hội người Việt ở Kinh Bắc vào thế kỷ XVII - XVIII.

Như đã phân tích ở trên, Quan họ là hình thức dân ca nghi lễ/phong tục gắn liền với xã hội nông nghiệp. Tuy nhiên, so với nhiều hình thức dân ca khác của người Việt ở Bắc Bộ, thì Quan họ đã đạt trình độ hoàn chỉnh cả về nhạc và lời. Kèm theo đó là các lễ, tục, đặc biệt là tục kết chạ. Diễn xướng đối đáp giữa liền anh liền chị với cách ăn mặc, tiếp đãi, ứng xử, nói năng trong khung cảnh hát canh ở gia đình mang tính thính phòng. Điều đó chứng tỏ Quan họ phải được hình thành trên một nền cảnh văn hóa Kinh Bắc phát triển cao. Nói cách khác, Quan họ là bông hoa đẹp rực rỡ trở bóng trên cây "đại thụ" văn hóa Kinh Bắc.

Nửa cuối thế kỷ XX đến nay, Quan họ đã trải qua sự biến đổi thật to lớn và sâu sắc, mà sự thay đổi này lại bắt nguồn từ chính môi trường xã hội mà nó đã từng nảy sinh và tồn tại. Vốn bắt nguồn từ một hình thức dân ca mang nặng tính nghi lễ, phong tục của cư dân nông nghiệp, Quan họ xa dần cõi rễ nông nghiệp của nó, gần nhiều hơn với ca hát mang tính thính phòng của một tầng lớp tinh hoa của xã hội nông thôn ít nhiều nhuốm chất thị dân. Trong các thập niên 60, 70 của thế kỷ XX, một bộ phận Quan họ vẫn gắn với sinh hoạt nông thôn truyền thống và đang có xu

hướng suy tàn, mai một như nhiều hình thức văn hóa truyền thống khác thời cải cách ruộng đất và sau đó là thời kỳ hợp tác xã. Còn một bộ phận dần chuyên nghiệp hóa thành thứ "Quan họ sân khấu", "Quan họ đài phát thanh và truyền hình". Xu hướng này càng nở rộ sau khi đổi mới, dưới danh nghĩa bảo tồn và phục hồi các giá trị văn hóa cổ truyền. Và mới gần đây thôi, người ta mới chú ý nhiều hơn tới cái gốc Quan họ làng với tính nguyên bản của nó, khi mà các nghệ nhân già đã quá tuổi, trí nhớ không còn minh mẫn, công chúng và môi trường xã hội của loại Quan họ làng đã và đang suy giảm. Đây là chưa kể một số công chúng quen nghe thứ Quan họ đài, Quan họ sân khấu, nay đang quay lưng lại không còn thực sự thích thú với Quan họ gốc nữa. Thậm chí, một số nghệ nhân ở làng bây giờ cũng chỉ biết hát hay say mê hát theo thứ Quan họ mới này.

Suy cho cùng, sự biến đổi này cũng có phần tất yếu, bởi vì môi trường xã hội của Quan họ đã thay đổi. Nhất là người ta đang dần dần biến Quan họ cũng như nhiều sinh hoạt văn hóa dân gian khác, thành thứ trình diễn thuần túy mang tính sân khấu hơn là một sinh hoạt văn hóa tự thân, mà ở đó người dân có thể giải bày tình cảm và khát vọng của mình như trong xã hội cổ truyền xa xưa.

N.D.T

Tài liệu tham khảo:

- 1 - M. Mauss: *Essai sur le don*, Paris, 1925
- 2 - Nguyễn Văn Huyền: *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, Nxb. KHXH, H. 1996. T.1
- 3 - Lê Thị Nhâm Tuyết: *Tục kết nghĩa ở Tam Đảo - Xuân Dục, cái gạch nối giữa truyền thống và hiện đại*, TBTH, H., 1973, số 2.
- 4 - Đặng Văn Lung, Hồng Thao, Trần Linh Quý: *Quan họ, nguồn gốc và quá trình phát triển*, Nxb. KHXH., H., 1978.

NGÔ ĐỨC THỊNH: QUAN HỌ – AN INTEGRATED SOCIAL PHENOMENON

In consideration of Quan họ as an integrated social phenomenon, the article shows that Quan họ – a giao duyên (exchanging sentiments) singing – is a form of fertility rituals in agriculture-rooted beliefs that has become an integral part in festivals of Kinh Bắc people. Quan họ is closely connected to the social structure of traditional Vietnamese villages. Therefore, Quan họ singing embeds profound social implications. From this point of view, author presumes that Quan họ came into being since the Lê - Trịnh period and developed in social context of the Kinh in the 17th – 18th Centuries.